

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/DS-ST  
Ngày 11/6/2020  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Chuyên.**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Mai Văn Thuận

Ông Huỳnh Hoàng Nam

**- Thư ký phiên tòa:** **Bà Huỳnh Thị Phụng** là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/2020/TLST - DS ngày 20 tháng 2 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y , sinh năm: 1974; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị P , sinh năm: 1963; Địa chỉ: ấp Cây B , xã L, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Văn T ; sinh năm: 1994; Địa chỉ: ấp Cây B , xã L, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2020, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày: Do chỗ quen biết tin tưởng

cho nên bà có cho bà P n vay tiền nhiều lần: Lần đầu vào ngày 17/11/2017 vay 10.000.000 đồng, ngày 19/2/2018 vay 5.000.000 đồng; ngày 15/4/2018 vay 15.000.000 đồng; Ngày 19/7/2018 bà P kêu con tên Phạm Văn T qua lấy 5.000.000 đồng. Tổng cộng 35.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 50.000 đồng/tháng/01 triệu. Hai bên không làm giấy tờ, thỏa thuận bằng lời nói. Bà P có đóng được vài lần, kể từ 01/9/2018 cho đến nay thì không đóng lãi, bà có yêu cầu bà P trả gốc và lãi nhưng chỉ hứa mà không trả. Khi khởi kiện ra Tòa án bà P chỉ thừa nhận số tiền vay gốc là 25.000.000 đồng, do hai bên không làm giấy tờ để đối chiếu nên bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 10.000.000 đồng và không yêu cầu anh T liên đới cùng với bà P trả số tiền trên. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P trả cho bà số tiền gốc 25.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 01/9/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước quy định.

Tại bản tự khai đề ngày 23/3/2020 và tại phiên tòa bà Lê Thị P trình bày: Bà thừa nhận có hỏi vay của bà Y nhiều lần, tổng cộng 25.000.000 đồng, hai bên không làm giấy tờ. Trong thời gian vay bà có đóng lãi nhưng không nhớ được bao nhiêu. Về khoản tiền gốc bà đã trả cho bà Y được 15.000.000 đồng. Nay bà Y khởi kiện yêu cầu bà trả 25.000.000 đồng là không đúng, bà chỉ đồng ý trả 10.000.000 đồng tiền gốc, còn phần lãi bà không có khả năng trả.

Tại bản tự khai đề ngày 23/3/2020 anh Phạm Văn T trình bày: Anh thừa nhận có đến nhà bà Y lấy dùm mẹ của anh là bà P số tiền 5.000.000 đồng, anh đã giao lại cho bà P, anh không hỏi vay của bà Y. Việc bà P và bà Y n vay mượn như thế nào anh không biết, anh cũng không chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền trên cho bà Y.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Các đương sự cũng chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, về trình tự phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các bên chưa tuân thủ đúng theo quy định tại Điều 208 đến Điều 211 của Bộ luật tố tụng dân sự cần khắc phục trong thời gian tới.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng nhận thấy như sau: Các đương sự thừa nhận với nhau về việc cho vay tài sản là có thật. Quá trình hòa giải tại ấp và các phiên hòa giải tại Tòa án thì bà P thừa nhận vay tiền của bà Y 04 lần tổng cộng là 25.000.000 đồng nhưng bà P cho rằng đã trả cho bà Y 15.000.000 đồng, bà Y không thừa nhận đã nhận số tiền trên. Mặt khác, bà P không đưa ra được chứng cứ

chứng minh cho việc bà đã trả 15.000.000 đồng cho bà Y . Từ đó, có đủ cơ sở để xác định bà P còn nợ của bà Y là 25.000.000 đồng, bà Y đòi nhiều lần nhưng bà P không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Xét thấy bà Y khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở. Đối với yêu cầu tính lãi của bà Y từ ngày 01/6/2019 theo quy định là phù hợp tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y , buộc bà P trả cho bà Y 25.000.000 đồng, lãi suất tính theo quy định từ ngày 01/6/2019 cho đến ngày xét xử. Đình chỉ đối với việc rút yêu cầu của bà Y và không buộc anh T phải liên đới cùng bà P trả số tiền trên cho bà Y . Về án phí bà P phải chịu theo quy định

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Phạm Văn T có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y đối với bà Lê Thị P về việc bà Y có cho bà P vay tiền. Tuy nhiên, số tiền hai bên trình bày có sự chênh lệch nhau; bà Y cho rằng bà P vay của bà 05 lần tổng cộng là 35.000.000 đồng, còn bà P chỉ thừa nhận vay là 25.000.000 đồng, khi vay thì hai bên thỏa thuận bằng miệng, không làm giấy tờ, không thỏa thuận về thời hạn trả nợ. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay bà Y xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 10.000.000 đồng, không yêu cầu anh Phạm Văn T liên đới cùng bà P trả. Bà chỉ yêu cầu bà P trả số tiền gốc 25.000.000 đồng, việc bà Y xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc nên áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Y.

Đối với số tiền 25.000.000 đồng theo như bà P thừa nhận vay của bà Y nhưng bà xác định đã trả cho bà Y được 15.000.000 đồng, tuy nhiên bà Y phủ nhận vấn đề này. Tòa án đã ra thông báo số 58a/TB-TA, ngày 26/2/2020 yêu cầu bà P cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh bà đã thanh toán cho bà Y số tiền gốc 15.000.000 đồng nhưng cho đến nay bà vẫn không cung cấp được. Tại phiên tòa hôm nay bà P thừa nhận còn nợ của bà Y số tiền chưa trả là 25.000.000 đồng; Do bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Y

khởi kiện là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1,4 Điều 11 của Bộ luật dân sự năm 2015.

{2.2} Về phần lãi: Xét yêu cầu của bà Y tính lãi theo lãi suất Ngân hàng nhà nước quy định từ ngày 01/6/2019 cho đến ngày xét xử, bà P cũng đồng ý với thời gian trên. Theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 *“Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay”*. Cụ thể mức lãi suất 20%/năm; quy đổi tháng 1,66%/tháng. Cách tính lãi như sau:

Tính từ ngày 01/6/2019 cho đến ngày xét xử là 01 năm 10 ngày

25.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 01 năm 10 ngày = 5.118.000 đồng

Tổng cộng gốc và lãi bà Phấn phải trả cho bà Yến là: 25.000.000 đồng + 5.118.000 đồng = 30.118.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Yêu cầu của bà Y được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Bà P phải chịu án phí giá ngạch là: 30.118.000 đồng x 5% = 1.505.900 đồng

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1,4 Điều 1, Điều 463, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y đối với bà Lê Thị P.

Buộc bà Lê Thị P trả cho bà Nguyễn Thị Y số tiền gốc và lãi là 30.118.000 đồng (ba mươi triệu một trăm mười tám nghìn) đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ đối với việc rút yêu cầu của bà Y về việc không yêu cầu anh T cùng liên đới với bà P và phần yêu cầu 10.000.000 đồng.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu của bà Y được chấp nhận, hoàn trả lại cho bà Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp 875.000 đồng theo biên lai thu tiền số 3145, ngày 20/2/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Bà Lê Thị P phải chịu án phí có giá ngạch là 1.505.900 (một triệu năm trăm linh năm nghìn chín trăm) đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày; bà Y, bà P được tính kể từ ngày tuyên án 11/6/2020. Anh T được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục thi hành án
- Đương sự
- UBND xã
- Lưu HS, VP

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Chuyên**